TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-KHÁNH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10-02-2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng
Bà Lê Thị Thái Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Quý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 -Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa: 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị T - sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn T 3, xã D Đ, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt
- Bị đơn: Ông Lý Minh C - sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn T 3, xã D Đ, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 08 năm 2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/10/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Bà và ông Lý Minh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã D S (nay là xã D Đ, tỉnh Khánh Hòa) vào năm 2008. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2015 do ông C không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt và chửi mắng đánh đập bà, ông C còn đánh cả con trai lớn của chúng tôi. Đã vậy, ông C còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Từ đó dẫn đến không khí gia đình căng thẳng, gây áp lực cho bà về thể xác và cả tinh thần. Nay bà xác định không

còn tình cảm với ông C, không thể nào kéo dài tình trạng hôn nhân này nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung là Lỹ Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/01/2010 và Lý Vũ Hoàng L1, sinh ngày 22/8/2012. Hiện nay, các con đang sinh sống với bà, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung thì bà có yêu cầu chia sản chung giữa bà và ông C; quá trình giải quyết vụ án, bà có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia sản chung. Vì vậy, nay tại tòa bà xác định về tài sản chung thì bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai. Ông C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Trương Thị T đối với ông Lý Minh C. Về con chung: Giao con chung Lỹ Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/01/2010 và Lý Vũ Hoàng L1, sinh ngày 22/8/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà Tiến tự nguyện không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, bà Tiến xác định tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, hoàn lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T và ông Lý Minh C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân D S (nay là xã D Đ) năm 2008 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93 vào ngày 24/12/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T xác định trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng có mâu thuẫn do ông C không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt và chửi mắng đánh đập bà và ông C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Hiện tại, bà không còn tình cảm với ông C; không thể tiếp tục duy trì mối

quan hệ hôn nhân. Hôn nhân là phải xuất phát từ tình yêu thương tự nguyện, tiến bộ, không bạo lực gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, ông C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc điều này thể hiện ông C có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung là Lỹ Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/01/2010 và Lý Vũ Hoàng L1, sinh ngày 22/8/2012. Theo yêu cầu của bà T và ý kiến của các cháu L và L1 muốn được ở với mẹ; đồng thời tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện bà T là người đang nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung thì bà có yêu cầu chia sản chung giữa bà và ông C; quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/12/2025 bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia sản chung. Tại tòa, bà T xác định về tài sản chung thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà xác định bà và ông C tự thỏa thuận. Xét thấy yêu cầu này của bà T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông C chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6]. Về án phí: Bà Trương Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.200.000đ (Mười một triệu hai trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (Phòng THADS khu vực 3 - Khánh Hòa). Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng đối với yêu cầu chia tài sản chung là 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trương Thị T được ly hôn với ông Lý Minh C.

2. Về con chung: Giao con chung Lý Vũ Hoàng L, sinh ngày 25/01/2010 và Lý Vũ Hoàng L1, sinh ngày 22/8/2012 cho bà Tiến trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà Tiến tự nguyện không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, bà T, ông C có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Bà T xác định tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết về tài sản chung.

4. Về nợ chung: Bà Tiến xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết. Do bị đơn ông Lý Minh C chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí: Bà Trương Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.200.000đ (Mười một triệu hai trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001784 ngày 07/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3-Khánh Hòa). Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng đối với yêu cầu chia tài sản chung là 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền trên.

6. Quy định: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 3-Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 3-Khánh Hòa;
- UBND xã D Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 24/12/2008);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa